

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 30 – 6 - 2025
V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Đăng Tuấn;
2. Ông Thông Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 25/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T (tên thường gọi: Đ), sinh năm 1958; địa chỉ: thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc P, luật sư thuộc Văn phòng L1. Địa chỉ: H, đường L, K, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị T1, sinh năm: 1977; địa chỉ: thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị T trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Trần Thị T và bà Phan Thị T1 có mối quan hệ quen biết với nhau.

Ngày 10/02/2023 âm lịch, bà T1 có đến nhà vay của bà T số tiền 300.000.000đ. Khi vay bà T1 có viết giấy và ký tên vào giấy vay tiền. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng, về thời hạn vay thì bà T1 có hứa sau khi con

trao đi làm về sẽ lấy tiền từ con bà T1 trả ngay cho bà T nhưng không ấn định thời gian trả cụ thể. Tuy nhiên, từ khi bà T1 vay tiền đến nay bà T1 đã không trả lãi và đã rời khỏi địa phương nên bà T không liên lạc được để yêu cầu bà T1 trả nợ.

Đối với khoản vay 300.000.000đ này thì trước đó bà T có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án được TAND huyện Tánh Linh thụ lý số 268/2023/TLST-DS ngày 19/10/2023 đối với tổng số tiền là một tỉ đồng nhưng sau đó bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện (rút đối với giấy 300 triệu đồng, còn lại 700 triệu đồng) với lý do để thu thập, bổ sung thêm chứng cứ chứng minh vì lúc đó bà T1 bỏ đi khỏi địa phương. Do đó Tòa án đã đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện số tiền 300.000.000đ.

Hiện nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh giải quyết buộc bà T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà T khoản nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo giấy vay tiền ngày 10/02/2023 âm lịch tính từ ngày vay cho đến khi bà T1 hoàn tất nghĩa vụ trả nợ của mình theo mức lãi suất 1,66%/tháng. Số tiền bà T cho bà T1 vay là tiền cá nhân của bà T. Do đó, bà T yêu cầu cá nhân bà Phan Thị T1 phải trả cho bà T, không yêu cầu cá nhân khác có trách nhiệm liên đới trả nợ.

Ngoài ra bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 phải chịu chi phí giám định chữ viết.

Bà T nộp cho Tòa án 01 vi bằng số 03/2025/VBTPLĐL ngày 22 tháng 02 năm 2025 do Văn phòng T2 lập; 01 mảnh giấy có ghi nội dung “Ngày 10 – tháng 2 – âm lịch (2023) con có mượn cô Đ số tiền (300000000 đồng) (ba trăm triệu đồng) con hẹn cô trả đủ số tiền trên. Thỏa thuận lãi 2, ký tên Phan Thị T1”.

Trong phần tranh luận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: Yêu cầu bà Phan Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị Tần S tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ thời điểm bà T và bà T1 xảy ra tranh chấp với nhau về nợ vay và bà T đã khởi kiện tại Tòa án đối với bà T1 là ngày 19/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn bà Phan Thị T1 trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Bà T1 không quan hệ gì với bà Trần Thị T, chỉ quen biết nhau ở địa phương. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, trước đây bà T1 có chơi hụi và hốt hụi của bà T, thỏa thuận trả tiền hụi dần theo hàng tháng, bao gồm cả lãi và gốc. Vụ việc này đã được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xét xử xong.

Tuy nhiên trước thời gian giải quyết vụ án nói trên, bà T có liên lạc nói với bà T1 về trả trước 300.000.000đ (trong số tiền 700 triệu đồng mà bà T1 có viết giấy nợ bà T và bà T khởi kiện vào tháng 10 năm 2023) thì sẽ rút đơn kiện lại. Nhưng do bà T1 không có tiền trả nên bà T yêu cầu bà T1 về viết giấy nợ 300.000.000đ để làm chứng, làm tin để bà T rút đơn. Sau đó, ngày 10/2/2023 âm lịch bà T1 có viết giấy tay ghi nợ 300.000.000đ cho bà T, thực chất giấy này là để

làm chứng, làm tin để bà T rút đơn kiện tại Tòa án chứ không có việc bà T1 vay khoản này.

Hiện nay, bà T căn cứ giấy nợ ghi ngày 10/02/2023 AL để kiện bà T1 là hoàn toàn không có căn cứ. Bà T1 không thừa nhận chữ viết trên mẫu giấy mà bà T cung cấp. Ngoài ra, bà T1 cho rằng bà T khi khởi kiện vụ án thụ lý vào tháng 10/2023, bà T lại không sử dụng giấy vay ghi ngày 10/02/2023 bà T khởi kiện cùng một lần. Do đó, bà T1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà Phan Thị T1 không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Những tình tiết mà các đương sự thống nhất với nhau: Không có.

Những tình tiết mà các đương sự chưa thống nhất với nhau:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T yêu cầu bà Phan Thị T1 phải trả cho bà T khoản nợ gốc là 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh.

- Bị đơn bà Phan Thị T1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà T1 hoàn toàn không vay của bà T số tiền 300.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đủ về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 146, 147, 157, 161, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị T: Buộc bà Phan Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị T 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà T1 phải trả cho bà T số tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin

xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ vay. Ngoài yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú tại thôn H, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị T:

[3.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc:

Bà Trần Thị T yêu cầu bà Phan Thị T1 phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ. Bà Phan Thị T1 không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T vì bà T1 hoàn toàn không vay khoản tiền này của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo chứng cứ bà T cung cấp để làm căn cứ khởi kiện là mảnh giấy có ghi nội dung: *"ngày 10 – tháng 2 – âm lịch 2023 con có mượn cô Đ số tiền (300000000đồng) (ba trăm triệu đồng) con hẹn cô trả đủ số tiền nói trên .thỏa thuận lãi 2)"* ký tên Phan Thị T1". Bà Phan Thị T1 khẳng định không viết, ký tên và không vay đối với khoản tiền này đối với bà T.

Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 13/02/2025 (bút lục số 34) của bà Phan Thị T1 thể hiện nội dung *"... mặc dù chị T1 thừa nhận là chữ viết ký tên nhưng thực chất chị T1 không vay ..."*. Tại bản Kết luận giám định số: 510/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K thuộc Công an tỉnh B đã kết luận: *"Chữ viết mang tên Phan Thị T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ viết có nội dung "Thỏa thuận lãi 2") so với chữ viết đứng tên Phan Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người viết ra;"*. Bên cạnh đó, nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà T và bà T1 được Văn phòng thừa phát lại Đức L lập tại vi bằng số 03/2025/VBTPLĐL cũng thể hiện việc bà T1 có xác nhận việc viết giấy ghi số nợ ba trăm triệu đồng nhưng trong giấy ghi thiếu hai chữ số 0. Trong quá trình tố tụng, bà Phan Thị T1 cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc không vay số tiền 300.000.000đ hoặc chỉ viết giấy để làm chứng, làm tin cho bà T như lời bà T1 trình bày. Do đó, có đủ căn cứ để xác định bà Phan Thị T1 có vay của bà Trần Thị T (Đ) số tiền 300.000.000 đồng. Hiện nay bà T1 chưa trả nợ cho bà T, do đó yêu cầu của bà T về việc buộc bà Phan Thị T1 trả số tiền nợ 300.000.000đ là có căn cứ cần được chấp nhận. Theo đó cần buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị T số tiền nợ vay 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi:

Tại phiên Toà, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà T và bà T yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 19/10/2023 (ngày bà T khởi kiện đối với bà T1 để yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó có số tiền 300.000.000 đồng vay ngày 10/2/2023 âm lịch) cho đến khi bà T1 hoàn tất nghĩa vụ trả nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào giấy ghi mượn tiền ngày 10/02/2023 âm lịch bà T cung cấp cho thấy đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn. Bà T cho rằng tại thời điểm vay hai bên có thỏa thuận về lãi suất là 2%/tháng. Bà T1 không thừa nhận về khoản vay và lãi suất. Tại kết luận giám định số: 510/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K thuộc Công an tỉnh B thể hiện: "*Chữ viết có nội dung "Thỏa thuận lãi 2" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết đứng tên Phan Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là không phải do cùng một người viết ra.*". Tại phiên toà, bà T thừa nhận nội dung ghi "*Thỏa thuận lãi 2*" là do bà T viết trên cơ sở thỏa thuận thống nhất với bà T1. Bà T1 không thừa nhận về việc vay 300.000.000 đồng nên cũng không thừa nhận về việc thỏa thuận lãi vay với bà T. Do đó, không có căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Vì vậy, yêu cầu của bà T về việc buộc bà T1 phải trả lãi từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất 1,66%/tháng không phù hợp.

Do hợp đồng vay giữa bà T1 và bà T được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay một thời gian hợp lý. Tuy nhiên trước khi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà T1 trả số tiền 300.000.000 đồng thì năm 2023, bà T cũng đã khởi kiện đối với bà T1 để yêu cầu trả số nợ 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Vụ án đã được Toà án nhân dân huyện Tánh Linh thụ lý số 268/2023/TLST-DS, ngày 19/10/2023. Trong số tiền 1.000.000.000 đồng mà bà T đã khởi kiện thì có 300.000.000 đồng bà T1 viết thành một giấy vay riêng thể hiện ngày vay 10/02/2023 âm lịch. Tại thời điểm Toà án thụ lý, giải quyết vụ án bà T1 không có mặt tại nơi cư trú nên Toà án đã tiến hành đăng tin thông báo về việc thụ lý vụ án trên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công lý. Tuy nhiên, tại phiên toà xét xử vụ án nói trên bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay 300.000.000 đồng ngày 10/02/2023 âm lịch. Như vậy, có căn cứ để xác định tại thời điểm ngày 19/10/2023, Toà án nhân dân huyện Tánh Linh thụ lý vụ án số 268/2023/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Trần Thị T và bà Phan Thị T1 thì bà T đã thông báo hợp lệ cho bà T1 biết về việc bà T đòi lại tiền vay. Từ thời điểm được thông báo về việc yêu cầu trả nợ nhưng bà T1 không trả thì bà T1 phải chịu lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 (10%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Theo đó, tiền lãi được tính từ ngày 19/10/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2025) là 01 năm 9 tháng 11 ngày, cụ thể: $300.000.000đ \times 10\%/năm \times 1 \text{ năm } 9 \text{ tháng } 11 \text{ ngày}$ (tính đến ngày 30/6/2025) = 53.417.000đ (Năm mươi ba triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi là 353.417.000đ (Ba trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm mười bảy ngàn đồng). Theo đó, cần buộc bà Phan Thị T1 phải trả

cho bà Trần Thị Tần S tiền nợ vay là 353.417.000đ đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do bị đơn bà Phan Thị T1 không thừa nhận chữ viết của mình trong giấy ghi nội dung mượn nợ của bà T nên bà T phải đã yêu cầu Trung tâm giám định chữ viết trên giấy mượn nợ và phải nộp tạm ứng chi phí giám định là 3.560.000 đồng. Tại bản Kết luận giám định số: 510/KL-KTHS ngày 26/5/2025 của Phòng K thuộc Công an tỉnh B thể hiện: *Chữ viết mang tên Phan Thị T1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ viết có nội dung “Thỏa thuận lãi 2”) so với chữ viết đứng tên Phan Thị T1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do cùng một người viết ra;”*. Bà T yêu cầu bà T1 phải chịu chi phí giám định. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà Phan Thị T1 phải hoàn trả cho bà Trần Thị T 3.560.000 đồng tiền chi phí giám định.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 161, Điều 203, khoản 1 Điều 228; Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về việc buộc bà Phan Thị T1 phải trả tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh:

Buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị Tần S tiền 353.417.000đ (*Ba trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm mười bảy ngàn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 53.417.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thanh toán cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Phan Thị T1 phải trả cho bà Trần Thị T 3.560.000 đồng tiền chi phí giám định.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị T1 phải nộp 17.671.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/6/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mận